## TRƯỜNG THCS HOÀNG KHAI

**TỔ: KHTN**

## MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

**I) Khung ma trận**

**1. Nội dung***:* Nội dung: Từ tuần 19 đến 26 của HKII

**2. Thời gian làm bài:90 phút.**

**3. Hình thức kiểm tra:***Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

**4. Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*

- Phần tự luận: 4,0 điểm *(Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu/số ý** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| **1.Nguyên sinh vật(5T)** |  | *2* |  | *2* | *1*  *C17* |  |  |  | *1* | *4* | *2,0* |
| **2. Nấm( 5T)** |  | 4 | 1/c18 |  |  |  |  |  | 1(1 ý) | 4 | 2,0 |
| **3. Thực vật (5 tiết)** | 1  C19a | 2 |  |  | 1  C19b |  |  |  | 1 | 2 | 2,0 |
| **4. Động vật (6 tiết)** |  | 3 | 1  C21a |  |  |  | 1  C21b |  | 1 (2 ý) | 4 | 2,25 |
| **5. Đa dạng sinh học**  **(4 tiết)** |  | 3 | 1  C20 |  |  |  |  |  | 1 | 3 | 1,75 |
| **Số câu TN/ Số ý TL** | **0,5** | **14** | **2,5** | **2** | **1,5** |  | **0,5** |  | **5** | **16** | 16/5 |
| **Điểm số** | **0,5** | **3,5** | **2,5** | **0,5** | **2,0** |  | **1,0** |  | **6,0** | **4,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **16 câu/ 5 Câu** | | **10,0 điểm** |

**II BẢN ĐẶC TẢ:**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Số ý) | TN  (Số câu) |
| **Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống ( 21 tiết)** | | |  |  |  |  |
| **Nguyên sinh vật(5t)**  **Nhận biết:**  Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.  **Thông hiểu:**  - Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, đặc điểm, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...).  - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.  - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.  **Vận dụng:**  Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. | | | **1**  **1** | **2**  **2** | C17/ý a  C17/ý b | C1,2  C3,4 |
| **Nấm (5 tiết)** | | |  |  |  |  |
| - Sự đa dạng nấm.  - Vai trò của nấm.  - Một số bệnh do nấm gây ra. | **Nhận biết** | Nêu được một số bệnh do nấm gây ra.  - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. |  | 1  3 |  | C5  C6,7,8 |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn  - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. | **1** |  | C18 |  |
| **Vận dụng** | Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ... |  |  |  |  |
| **Thực vật (5 tiết)** | | |  |  |  |  |
| -Sự đa dạng.  - Thực hành. | **Nhận biết**  **Thông hiểu** | - Phân loại thực vật vào nhóm, nhận ra đặc điểm của dương xỉ.  - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).  - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). | 1 | 2 | C19/ ý a | C9,10 |
| **Vận dụng** | Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. | **1** |  | C19/ ý b |  |
| **Động vật (6 tiết)** | | |  |  |  |  |
| Sự đa dạng.  - Thực hành. | **Nhận biết:** | Nêu được một số vai trò, tác hại của động vật trong đời sống. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:** | - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ.  - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.  - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. | **1**  **2** | 1 | C21a | C11  C12,13 |
| **Vận dụng cao:** | Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên, vai trò của chúng.. |  | 1 |  | C21/b |
| **Vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên. (4 tiết)** | | |  |  |  |  |
|  | **Nhận biết:** | Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, … |  | 3 |  | C14,15,16 |
| **Bảo vệ đa dạng sinh học ( 2 tiết)** | | |  |  |  |  |
|  | **Vận dụng:** | Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. | **1** |  | C20 |  |

**III. ĐỀ KIỂM TRA:**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

Thời gian làm bài: 90 phút

1. **TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)** Khoanh tròn vào một chữ cái đứng trước phương án đúng.

**Câu 1: Bệnh sốt rét lây truyền theo đường**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. máu.** | **B. tiếp xúc.** | **C. hô hấp.** | **D. tiêu hoá .** |

**Câu 2: Tác nhân gây ra bệnh kiết lị là**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. t**rùng Plasmodium**.** | **B.** trùng roi xanh**.** | **C.** trùng Entamoeba . | **D** trùng đế giày. |

**Câu 3: Hình dạng luôn thay đổi do hình thành chân giả để di chuyển và bắt mồi là đặc điểm của**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. t**rùng Plasmodium**.** | **B.** trùng roi xanh**.** | **C.** trùng Entamoeba . | **D** trùng biến hình. |

**Câu 4: Sống ở bề mặt nước cống, rãnh, di chuyển bằng lông bơi là đặc điểm của**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. t**rùng sốt rét**.** | **B.** trùng đế giày**.** | **C.** trùng kiết lị . | **D** trùng roi xanh. |

**Câu 5. Trong số các bệnh sau đây, bệnh do nấm gây ra là**

A. bệnh sốt rét. B. bệnh Covid 19 ở người.

C. bệnh lao phổi. D. bệnh hắc lào, lang ben.

**Câu 6: Trong các loại nấm dưới đây, nấm đơn bào là**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. nấm rơm.** | **B. nấm linh chi.** | **C. nấm men.** | **D. nấm hương.** |

**Câu 7. Cơ quan sinh sản của nấm là phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. sợi nấm .** | **B. mũ nấm.** | **C. cuống nấm.** | **D. bao gốc.** |

**Câu 8: Địa y được hình thành là do**

A. sự cộng sinh giữa nấm và côn trùng. B. sự cộng sinh giữa nấm và thực vật.

C. sự cộng sinh giữa nấm và vi khuẩn. D. sự cộng sinh giữa nấm và một số loài tảo.

**Câu 9. Thực vật được xếp vào nhóm thực vật Hạt kín là**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. cây dương xỉ.** | **B. cây thông.** | **C. cây rêu.** | **D. cây lúa.** |

**Câu 10. Đặc điểm chỉ có ở dương xỉ mà không có ở rêu là**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. sinh sản bằng bào tử.** | **B. thân có mạch dẫn.** | **C. có lá thật.** | **D. chưa có rễ chính thức.** |

**Câu 11. Thủy tức là đại diện của nhóm động vật**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. ruột khoang.** | **B. giun dẹp.** | **C. thân mềm.** | **D. chân khớp.** |

**Câu 12. Động vật có xương sống bao gồm**

A. cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú. B. cá, chân khớp, bò sát, chim, thú.

C. thân mềm, lưỡng cư, bò sát, chim, thú. D.cá, lưỡng cư, ruột khoang, chim, thú.

**Câu 13. Loài động vật vừa tạo nên cảnh quan đẹp cho biển vừa làm nơi trú ấn cho các loài khác là**

A. hải quỳ. B. sứa. C. san hô. D. mực.

**Câu 14. Biện pháp không phải để bảo vệ đa dạng sinh học là**

A. nghiêm cấm phá rừng để bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật.

B. cấm săn bắt, buôn bán, sử dụng trái phép các loài động vật hoang dã.

C tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân để mọi người tham gia bảo vệ rừng.

D. dừng hết mọi hoạt động khai thác động vật, thực vật của con người.

**Câu 15.** **Hành động bảo vệ đa dạng sinh học là**

A. khai thác tối đa nguồn lợi từ rừng. B. đánh bắt cá bằng lưới có mắt với kích thước nhỏ.

C. săn bắt động vật quý hiếm. D. bảo tồn động vật hoang dã.

**Câu 16.** **Rừng tự nhiên không có vai trò là**

A. điều hòa khí hậu. B. cung cấp đất phi nông nghiệp.

C. bảo vệ đất và nước trong tự nhiên. D. nơi ở của các loài động vật hoang dã.

**B. TỰ LUẬN(6,0 điểm)**

**Câu 17. (1 điểm)**

**a/ Em hãy nêu cách phòng tránh các bệnh do nguyên sinh vật gây ra.**

**b/ Em hãy vẽ hình và chú thích một nguyên sinh vật mà em đã quan sát được.**

**Câu 18. (1điểm)** Trình bày vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống con người?

**Câu 19. (1,5 điểm)**

a. Thực vật có vai trò gì đối với môi trường? (0,5 điểm)

b. Cho các loài thực vật sau, em hãy sắp xếp các thực vật sau theo từng nhóm phù hợp và xác định đặc điểm mỗi nhóm? (1,0đ)

(1) Cây rau bợ . (2) Cây dương xỉ. (3) Cây bưởi . (4) Cây lúa.

**Câu 20. (1,0 điểm)**Vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học?

**Câu 21.** **( 1,5 điểm)**

a/ Cho các loài động vật sau, em hãy sắp xếp các động vật sau theo từng nhóm phù hợp và xác định đặc điểm mỗi nhóm? (0,5đ)

(1) Ốc . (2) Nhện. (3) Châu chấu. (4) Mực.

b. Kể tên một số động vật xung quanh em và cho biết vai trò của chúng. (1,0đ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên động vật | Vai trò |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |

**........................................................Hết.................................................................**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 2**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

1. **TRẮC NGHIỆM: ( 4 điểm) Mỗi đáp án đúng 0,25 đ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **Đáp án** | **A** | **C** | **D** | **B** | **D** | **C** | **B** | **D** | **D** | **B** | **A** | **A** | **C** | **D** | **D** | **B** |

**II.TỰ LUẬN: ( 6 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 17** | a. Để phòng tránh bệnh do nguyên sinh vật gây ra cần thực hiện tốt việc vệ sinh cá nhân, vệ sinh ăn uống và vệ sinh môi trường.  b. HS vẽ hình có ghi chú tên nguyên sinh vật | 0,5 đ  0,5 đ |
| **Câu 18.** (1 điểm)  Vai trò của nấm trong tự nhiên và trong đời sống con người. | - Trong tự nhiên: tham gia vào quá trình phân hủy chất thải và xác động vật, thực vật thành các chất đơn giản cung cấp cho cây xanh và làm sạch môi trường.  - Trong đời sống con người: nhiều loại nấm được sử dụng trực tiếp làm thức ăn, một số loại được dùng làm thuốc, ... Trong công nghiệp chế biến thực phẩm, nấm men còn được sử dụng trong sản xuất bánh mì, bia, rượu, ... | 0,25 đ  0,75 đ |
| **Câu 19** a. (0,5 điểm) | - Vai trò của TV đối với môi trường:  + Góp phần giữ cân bằng hàm lượng khí oxygen và carbon dioxide trong không khí, điều hòa khí hậu, chống xóa mòn đất, góp phần hạn chế lũ lụt, hạn hán, bảo vệ đất và nguồn nước…  + Giảm nhiệt độ môi trường, điều hoà không khí, giảm hiệu ứng nhà kính. | 0,25 đ  0,25 đ |
| **Câu 19** b.(1,0 điểm) | - Chia 2 nhóm  + Dương xỉ: Cây rau bợ, dương xỉ  + Hạt kín: cây bưởi, cây lúa  - Đặc điểm của từng nhóm.  + Dương xỉ: Có mạch dẫn, không có hạt.  + Hạt kín: Có mạch dẫn, có hạt, có hoa. | 0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ |
| **Câu20: (1,0 điểm**) | Chúng ta cần bảo vệ đa dạng sinh học:  - Tạo sự cân bằng sinh thái trong tự nhiên, giảm nguy cơ tuyệt chủng các giống loài.  - Giữ gìn nguồn tài nguyên cung ứng cho đời sống con người, đảm bảo các lợi ích nông nghiệp, y học..., đảm bảo lợi ích vật chất kinh tế và gía trị tinh thần.  - Điều tiết và bảo vệ môi trường. | 0,25 đ  0,5 đ  0,25 đ |
| **Câu 21/a**: ( 0,5điểm) | \*Chia 2 nhóm:  + Ngành thân mềm: Mực, ốc.  + Ngành chân khớp: nhện, châu chấu  \* Xác định đặc điểm mỗi nhóm:  + Ngành thân mềm: Cơ thể mềm, không phân đốt, đa số có lớp vỏ cứng bên ngoài bảo vệ cơ thể.  + Ngành chân khớp: Có bộ xương ngoài bằng chất kitin bảo vệ cơ thể, các chân phân đốt, có khớp động linh hoạt. | 0,25 đ  0,25 đ |
| **Câu 21/b**( 1,0 điểm) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | *STT* | *Tên động vật* | *Vai trò* | | *1* | *Con trâu* | *cung cấp thịt, sức kéo.* | | *2* | *Con chó* | *giúp trông nhà, giải trí…* | | *3* | *Con gà* | *lấy trứng,lấy thịt.* | | *4* | *Con mèo* | *bắt chuột* |   *Học sinh có thể kể tên những con vật khác và nêu đúng vai trò vẫn cho điểm* | 0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoàng Khai, ngày tháng 2 năm 2023***  **Người ra đề**  **Hoàng Thị Tuyết Nhung** | ***Hoàng Khai, ngày tháng 2 năm 2023***  **Người duyệt đề**  **Lê Huyền Trang** |